

Phụ lục

DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH HỌC LIỆU – MÔN TIẾNG VIỆT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
TIẾNG VIỆT 1			
ĐỌC	Văn bản văn học - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện tranh, đoạn văn miêu tả	Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh.	010101.0101a3
		Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý hỗ trợ.	010101.0101b3
		Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên.	010101.0101c1
		Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên.	010101.0101d1
		Liên hệ được tranh minh họa với các chi tiết trong văn bản.	010101.0101e4
		Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao.	010101.0101f5
	Văn bản văn học - Đoạn thơ, bài thơ (gồm cả đồng dao)	Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh.	010101.0102a3
		Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý hỗ trợ.	010101.0102b3
		Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên.	010101.0102c1
		Nhận biết được lời nhân vật trong truyện dựa vào gợi ý của giáo viên.	010101.0102d1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Liên hệ được tranh minh hoạ với các chi tiết trong văn bản.	010101.0102e4
		Nêu được nhân vật yêu thích nhất và bước đầu biết giải thích vì sao.	010101.0102f5
	Văn bản thông tin	Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về các chi tiết nổi bật trong văn bản.	010101.0103a3
		Trả lời được câu hỏi: “Văn bản này viết về điều gì?” với sự gợi ý, hỗ trợ.	010101.0103b3
		Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản.	010101.0103c1
		Hiểu nghĩa của một số tín hiệu đơn giản, gần gũi với học sinh.	010101.0103d2
VIẾT	Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa).	010101.0201a3
		Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa.	010101.0201b3
		Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh.	010101.0201c6
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút.	010101.0201d3
		Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì?	010101.0201e3
	Điền được vào phần thông tin còn trống, viết câu nói về hình	Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút;	010101.0202a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	dáng hoặc hoạt động của nhân vật dưới tranh trong câu chuyện đã học dựa trên gợi ý.	không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa).	
		Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa.	010101.0202b3
		Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh.	010101.0202c6
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút.	010101.0202d3
		Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì?	010101.0202e3
	Điền được phần thông tin còn trống, viết câu trả lời hoặc viết lại câu đã nói để giới thiệu bản thân dựa trên gợi ý.	Biết ngồi viết đúng tư thế: ngồi thẳng lưng; hai chân đặt vuông góc với mặt đất; một tay úp đặt lên góc vở, một tay cầm bút; không tì ngực vào mép bàn; khoảng cách giữa mắt và vở khoảng 25cm; cầm bút bằng ba ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa).	010101.0203a3
		Viết đúng chữ viết thường, chữ số (từ 0 đến 9); biết viết chữ hoa.	010101.0203b3
		Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng quy tắc các tiếng mở đầu bằng các chữ c, k, g, gh, ng, ngh.	010101.0203c6
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 30 – 35 chữ theo các hình thức nhìn – viết (tập chép), nghe – viết. Tốc độ viết khoảng 30 – 35 chữ trong 15 phút.	010101.0203d3
		Bước đầu trả lời được những câu hỏi như: Viết về ai? Viết về cái gì, việc gì?	010101.0203e3
NÓI VÀ NGHE		Nói rõ ràng, thành câu. Biết nhìn vào người nghe khi nói.	010101.0301a3
		Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi.	010101.0301b6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.	010101.0301c3
		Biết giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, đồ vật yêu thích dựa trên gợi ý.	010101.0301d1
		Kể lại được một đoạn hoặc cả câu chuyện đơn giản đã đọc, xem hoặc nghe (dựa vào các tranh minh hoạ và lời gợi ý dưới tranh).	010101.0301e1
		Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ.	010101.0301f3
		Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.	010101.0301g2
		Nghe một câu chuyện và trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? Khi nào? Ở đâu?	010101.0301h3
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT	Âm, vần, thanh; chữ và dấu thanh		010101.0401a
	Quy tắc chính tả phân biệt: c và k, g và gh, ng và ngh		010101.0402a
	Quy tắc viết hoa: viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng		010101.0403a
	Vốn từ theo chủ điểm: Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi		010101.0404a
	Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu		010101.0405a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Từ xưng hô thông dụng khi giao tiếp ở nhà và ở trường		010101.0406a
	Một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép		010101.0407a
	Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)		010101.0408a
TIẾNG VIỆT 2			
ĐỌC	Văn bản văn học - Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả	Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?	010102.0101a5
		Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý.	010102.0101b3
		Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện.	010102.0101c1
		Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.	010102.0101d1
		Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại.	010102.0101e1
		Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao.	010102.0101f5
	Văn bản văn học - Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè	Biết nêu và trả lời câu hỏi về một số chi tiết nội dung trong văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?	010102.0102a5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản đơn giản dựa vào gợi ý.	010102.0102b3
		Nhận biết được địa điểm, thời gian, các sự việc chính của câu chuyện.	010102.0102c1
		Nhận biết được hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.	010102.0102d1
		Nhận biết được thái độ, tình cảm giữa các nhân vật thể hiện qua hành động, lời thoại.	010102.0102e1
		Nhận biết được văn trong thơ.	010102.0102f1
		Nêu được nhân vật yêu thích nhất và giải thích được vì sao.	010102.0102g5
	Văn bản thông tin - giới thiệu về loài vật, đồ dùng; văn bản hướng dẫn một hoạt động đơn giản bao gồm cả dạng kí hiệu.	Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?	010102.0103a5
		Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.	010102.0103b4
		Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: mục lục sách, danh sách học sinh, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động.	010102.0103c1
		Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản.	010102.0103d1
		Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản.	010102.0103e5
		Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.	010102.0103f1
	Văn bản thông tin - danh sách học sinh; mục lục sách; thời	Biết nêu và trả lời được câu hỏi về các chi tiết nổi bật của văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào? Vì sao?	010102.0104a5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	khoá biểu; thời gian biểu Độ dài của văn bản: khoảng 110 – 140 chữ	Dựa vào gợi ý, trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý dựa vào gợi ý.	010102.0104b4
		Nhận biết được một số loại văn bản thông tin đơn giản, thông dụng qua đặc điểm của văn bản: mục lục sách, danh sách học sinh, thời khoá biểu, thời gian biểu, văn bản giới thiệu loài vật, đồ vật hoặc văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động.	010102.0104c1
		Nhận biết được trình tự các sự việc, hiện tượng nêu trong văn bản.	010102.0104d1
		Nêu được các thông tin bổ ích đối với bản thân từ văn bản.	010102.0104e5
		Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thể hiện qua nhan đề, hình ảnh minh hoạ và chú thích hình ảnh.	010102.0104f1
VIẾT	Viết được 4 – 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010102.0201a3
		Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.	010102.0201b3
		Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010102.0201c3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010102.0201d3
		Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.	010102.0201e4
	Viết được 4 – 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010102.0202a3
		Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.	010102.0202b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010102.0202c3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010102.0202d3
		Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.	010102.0202e4
	Viết được 4 – 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010102.0203a3
		Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.	010102.0203b3
		Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010102.0203c3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010102.0203d3
		Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.	010102.0203e4
	Viết được 4 – 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010102.0204a3
		Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương.	010102.0204b3
		Nghe – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 50 – 55 chữ, tốc độ khoảng 50 – 55 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010102.0204c3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010102.0204d3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Xác định được nội dung bằng cách trả lời câu hỏi: “Viết về cái gì?”; viết nháp; dựa vào hỗ trợ của giáo viên, chỉnh sửa được lỗi dấu kết thúc câu, cách viết hoa, cách dùng từ ngữ.	010102.0204e4
	Biết đặt tên cho một bức tranh.		010102.0205a
	Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi		010102.0206a
NÓI VÀ NGHE		Nói rõ ràng, có thói quen nhìn vào người nghe.	010102.0301a3
		Biết nói và đáp lại lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, lời mời, lời đề nghị, chúc mừng, chia buồn, an ủi, khen ngợi, bày tỏ sự ngạc nhiên; đồng ý, không đồng ý, từ chối phù hợp với đối tượng người nghe.	010102.0301b3
		Kể được một câu chuyện đơn giản (có hình ảnh) đã đọc, nghe, xem.	010102.0301c1
		Nói ngắn gọn về một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc theo lựa chọn của cá nhân (tên văn bản, nội dung văn bản, nhân vật yêu thích).	010102.0301d3
		Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói. Đặt được câu hỏi về những gì chưa rõ khi nghe.	010102.0301e3
		Nghe một bài thơ hoặc bài hát, dựa vào gợi ý, nói một vài câu nêu cảm nhận của mình về bài thơ hoặc bài hát đó.	010102.0301f2
		Nghe câu chuyện, dựa vào gợi ý, nêu ý kiến về nhân vật chính hoặc một sự việc trong câu chuyện.	010102.0301g4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Biết trao đổi trong nhóm về các nhân vật trong một câu chuyện dựa vào gợi ý.	010102.0301h1
		Biết trao đổi trong nhóm về một vấn đề: chú ý lắng nghe người khác, đóng góp ý kiến của mình, không nói chen ngang khi người khác đang nói.	010102.0301i1
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT	Bảng chữ cái tiếng Việt, sự khác nhau giữa tên chữ cái (a, bê, xê,...) và âm (a, bờ, cờ,...)		010102.0401a
	Vốn từ theo chủ điểm		010102.0402a
	Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất		010102.0403a
	Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu		010102.0404a
	Hội thoại: lắng nghe, nói theo lượt lời		010102.0405a
	Đoạn văn	Đoạn văn kể lại một sự việc	010102.0406a
		Đoạn văn miêu tả ngắn, đơn giản theo gợi ý	010102.0406b
		Đoạn văn nói về tình cảm của mình với những người thân yêu	010102.0406c
		Đoạn văn giới thiệu loài vật, đồ vật; văn bản hướng dẫn thực hiện một hoạt động, bưu thiếp, danh sách, mục lục sách, thời khoá biểu, thời gian biểu	010102.0406d

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)		010102.0407a
TIẾNG VIỆT 3			
ĐỌC	Văn bản văn học - cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả	Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản.	010103.0101a1
		Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý.	010103.0101b4
		Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.	010103.0101c2
		Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.	010103.0101d1
		Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.	010103.0101e1
		Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.	010103.0101f5
	Văn bản văn học - bài thơ, đồng dao, ca dao, về	Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản.	010103.0102a1
		Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý.	010103.0102b4
		Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.	010103.0102c2
		Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.	010103.0102d1
		Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.	010103.0102e1
		Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ.	010103.0102f1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Văn bản thông tin - văn bản giới thiệu một đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc	Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?	010103.0103a3
		Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.	010103.0103b4
		Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.	010103.0103c1
		Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.	010103.0103d1
		Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.	010103.0103e1
		Nêu được những điều học được từ văn bản.	010103.0103f5
	Văn bản thông tin - Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn.	Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?	010103.0104a3
		Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.	010103.0104b4
		Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.	010103.0104c1
		Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.	010103.0104d1
		Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.	010103.0104e1
		Nêu được những điều học được từ văn bản.	010103.0104f5
VIẾT		Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010103.0201a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia	Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.	010103.0201b3
		Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010103.0201c3
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.	010103.0201d3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010103.0201e3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	010103.0201f3
	Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010103.0202a3
		Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.	010103.0202b3
		Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010103.0202c3
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.	010103.0202d3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010103.0202e3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	010103.0202f3
		Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010103.0203a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý	Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.	010103.0203b3
		Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010103.0203c3
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.	010103.0203d3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010103.0203e3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	010103.0203f3
	Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010103.0204a3
		Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.	010103.0204b3
		Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010103.0204c3
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.	010103.0204d3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010103.0204e3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	010103.0204f3
		Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010103.0205a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.	Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.	010103.0205b3
		Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010103.0205c3
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.	010103.0205d3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010103.0205e3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	010103.0205f3
	Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử).	Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.	010103.0206a3
		Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.	010103.0206b3
		Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.	010103.0206c3
		Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.	010103.0206d3
		Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.	010103.0206e3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.	010103.0206f3
NÓI VÀ NGHE		Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.	010103.0301a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp.	010103.0301b2
		Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý.	010103.0301c3
		Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.	010103.0301d1
		Nói được về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình.	010103.0301e3
		Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe.	010103.0301f6
		Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.	010103.0301g3
		Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại đáng vẽ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó.	010103.0301h2
		Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện.	010103.0301i3
KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT	Cách viết nhan đề văn bản		010103.0401a
	Vốn từ theo chủ điểm		010103.0402a
	Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau		010103.0403a
	Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu		010103.0404a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất		010103.0405a
	Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu		010103.0406a
	Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê)		010103.0407a
	Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng		010103.0408a
	Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết		010103.0409a
	Sơ giản về lượt lời thể hiện qua trao đổi nhóm		010103.0410a
	Kiểu văn bản và thể loại	Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm	010103.0411a
		Đoạn văn miêu tả đồ vật	010103.0411b
		Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm	010103.0411c

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện	010103.0411d
		Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn	010103.0411e
	Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)		010103.0412a
TIẾNG VIỆT 4			
ĐỌC	Văn bản văn học - Truyện cổ, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả	Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản.	010104.0101
		Nhận biết được chủ đề văn bản.	010104.0101
		Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại.	010104.0101
		Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả.	010104.0101
		Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô.	010104.0101
		Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch	010104.0101
		Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá.	010104.0101
		Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.	010104.0101
		Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao.	010104.0101
		Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.	010104.0101

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Văn bản văn học – Đoạn thơ, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ	Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản.	010104.0102
		Nhận biết được chủ đề văn bản.	010104.0102
		Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại.	010104.0102
		Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả.	010104.0102
		Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô.	010104.0102
		Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch	010104.0102
		Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá.	010104.0102
		Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.	010104.0102
		Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao.	010104.0102
		Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.	010104.0102
	Văn bản văn học – Kịch bản văn học	Tóm tắt được văn bản truyện đơn giản.	010104.0103
		Nhận biết được chủ đề văn bản.	010104.0103
		Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời thoại.	010104.0103
		Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện theo quan hệ nhân quả.	010104.0103

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nhận biết được quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô.	010104.0103
		Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản kịch	010104.0103
		Hiểu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá.	010104.0103
		Nêu được tình cảm, suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản.	010104.0103
		Nêu được câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích vì sao.	010104.0103
		Nêu được cách ứng xử của bản thân nếu gặp những tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong tác phẩm.	010104.0103
	Văn bản thông tin – Văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm	Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.	010104.0104
		Biết tóm tắt văn bản.	010104.0104
		Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.	010104.0104
		Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.	010104.0104
		Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gợi ra từ văn bản đã đọc.	010104.0104
		Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010104.0104
	Văn bản thông tin – Giấy mời	Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.	010104.0105

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Biết tóm tắt văn bản.	010104.0105
		Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.	010104.0105
		Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.	010104.0105
		Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc.	010104.0105
		Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010104.0105
	Văn bản thông tin – Thư thăm hỏi, thư cảm ơn, thư xin lỗi	Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.	010104.0106
		Biết tóm tắt văn bản.	010104.0106
		Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.	010104.0106
		Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.	010104.0106
		Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc.	010104.0106

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Văn bản thông tin – Đơn (xin nghỉ học, xin nhập học)	Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010104.0106
		Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.	010104.0107
		Biết tóm tắt văn bản.	010104.0107
		Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.	010104.0107
		Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.	010104.0107
		Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc.	010104.0107
		Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010104.0107
	Văn bản thông tin – Báo cáo công việc	Nhận biết được những thông tin chính trong văn bản.	010104.0108
		Biết tóm tắt văn bản.	010104.0108
		Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm; thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc.	010104.0108
		Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối.	010104.0108

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gọi ra từ văn bản đã đọc.	010104.0108
		Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010104.0108
VIẾT	Viết được bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia và chia sẻ suy nghĩ, tình cảm của mình về sự việc đó.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0201
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0201
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0201
	Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe hoặc viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc, đã nghe.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0202
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0202
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0202
	Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng nhân hoá và những từ ngữ gợi lên đặc	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0203
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0203

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	điểm nổi bật của đối tượng được tả.	Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0203
	Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một nhân vật trong văn học hoặc một người gần gũi, thân thiết.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0204
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0204
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0204
	Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0205
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0205
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0205
	Viết được văn bản ngắn hướng dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc làm, sử dụng một sản phẩm gồm 2 – 3 bước.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0206
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0206
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0206

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Viết được báo cáo thảo luận nhóm, đơn theo mẫu, thư cho người thân, bạn bè	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010104.0207
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010104.0207
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010104.0207
NÓI VÀ NGHE		Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài; có thái độ tự tin; biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp.	010104.0301
		Nói được về một đề tài có sử dụng các phương tiện hỗ trợ (ví dụ: tranh ảnh, sơ đồ,...).	010104.0301
		Kể lại được một sự việc đã tham gia và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về sự việc đó.	010104.0301
		Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống.	010104.0301
		Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện.	010104.0301
		Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác.	010104.0301
		Thực hiện đúng những quy định trong thảo luận: nguyên tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề thảo luận.	010104.0301
		Biết đóng góp ý kiến trong việc thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.	010104.0301
KIẾN THỨC	Quy tắc viết tên riêng của cơ quan, tổ chức		010104.0401

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
TIẾNG VIỆT	Vốn từ theo chủ điểm		010104.0402
	Công dụng của từ điển, cách tìm từ và nghĩa của từ trong từ điển		010104.0403
	Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu		010104.0404
	Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng		010104.0405
	Tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong việc biểu đạt nghĩa		010104.0406
	Danh từ, động từ, tính từ: đặc điểm và chức năng		010104.0407
	Danh từ riêng và danh từ chung: đặc điểm và chức năng		010104.0408
	Câu và thành phần chính của câu: đặc điểm và chức năng		010104.0409
	Trạng ngữ của câu: đặc điểm và chức năng (bổ sung thông tin)		010104.0410
	Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê); dấu gạch nối (nối các từ ngữ trong một liên danh); dấu ngoặc kép (đánh dấu tên của một tác phẩm, tài liệu); dấu ngoặc đơn (đánh dấu phần chú thích)		010104.0411

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Biện pháp tu từ nhân hoá: đặc điểm và tác dụng		010104.0412
	Câu chủ đề của đoạn văn: đặc điểm và chức năng		010104.0413
	Cấu trúc ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) của văn bản: đặc điểm và chức năng của mỗi phần		010104.0414
TIẾNG VIỆT 5			
ĐỌC	Văn bản văn học - Truyện dân gian, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng; đoạn (bài) văn miêu tả	Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.	010105.0101a1
		Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.	010105.0101b5
		Hiểu chủ đề của văn bản.	010105.0101c2
		Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.	010105.0101d3
		Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.	010105.0101e1
		Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.	010105.0101f2
		Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.	010105.0101g5
		Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.	010105.0101h4
		Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao.	010105.0101i5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Văn bản văn học - Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ	Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.	010105.0102a1
		Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.	010105.0102b5
		Hiểu chủ đề của văn bản.	010105.0102c2
		Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.	010105.0102d3
		Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.	010105.0102e1
		Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.	010105.0102f2
		Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.	010105.0102g5
		Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.	010105.0102h4
		Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao.	010105.0102i5
	Văn bản văn học - Kịch bản văn học	Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản.	010105.0103a1
		Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.	010105.0103b5
		Hiểu chủ đề của văn bản.	010105.0103c2
		Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật.	010105.0103d3
		Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện.	010105.0103e1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản.	010105.0103f2
		Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.	010105.0103g5
		Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện.	010105.0103h4
		Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao.	010105.0103i5
	Văn bản thông tin – Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên	Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản.	010105.0104a1
		Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.	010105.0104b4
		Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.	010105.0104c4
		Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động.	010105.0104d1
		Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.	010105.0104e1
		Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.	010105.0104f1
		Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010105.0104g1
		Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.	010105.0104h5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Văn bản thông tin – Văn bản giới thiệu sách, phim	Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản.	010105.0105a1
		Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.	010105.0105b4
		Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.	010105.0105c4
		Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động.	010105.0105d1
		Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.	010105.0105e1
		Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.	010105.0105f1
		Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010105.0105g1
		Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.	010105.0105h5
	Văn bản thông tin – Chương trình hoạt động; quảng cáo	Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản.	010105.0106a1
		Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản.	010105.0106b4
		Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản.	010105.0106c4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động.	010105.0106d1
		Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản.	010105.0106e1
		Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng.	010105.0106f1
		Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử).	010105.0106g1
		Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản.	010105.0106h5
VIẾT	Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010105.0201a3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010105.0201b3
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010105.0201c3
	Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010105.0202a3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010105.0202b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.	Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010105.0202c3
	Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010105.0203a3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010105.0203b3
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010105.0203c3
	Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010105.0204a3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010105.0204b3
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010105.0204c3
	Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ).	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010105.0205a3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010105.0205b3
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010105.0205c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Viết được báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.	Viết đúng các tên riêng của tổ chức, cơ quan.	010105.0206a3
		Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn, bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).	010105.0206b3
		Viết đoạn văn, bài văn thể hiện chủ đề, ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại văn bản; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	010105.0206c3
NÓI VÀ NGHE		Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.	010105.0301a3
		Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.	010105.0301b3
		Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi.	010105.0301c4
		Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.	010105.0301d3
		Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.	010105.0301e1
		Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.	010105.0301f1
KIẾN THỨC	Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài		010105.0401a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
TIẾNG VIỆT	Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt		010105.0402a
	Vốn từ theo chủ điểm		010105.0403a
	Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác		010105.0404a
	Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng		010105.0405a
	Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa”		010105.0406a
	Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng		010105.0407a
	Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản.		010105.0408a
	Đại từ và kết từ: đặc điểm và chức năng		010105.0409a
	Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng		010105.0410a
	Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các		010105.0411a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng)		
	Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng		010105.0412a
	Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng		010105.0413a
	Kiểu văn bản và thể loại		010105.0414a
	Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).		010105.0415a